

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Số học:

- Chương IV: Một số yếu tố thống kê và xác suất
 - + Bài 1: Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu
 - + Bài 2: Biểu đồ cột kép
 - + Bài 3: Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản
 - + Bài 4: Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản

II. Hình học:

- Chương VI: Hình học phẳng:
 - + Bài 1: Điểm. Đường thẳng
 - + Bài 2: Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song
 - + Bài 3: Đoạn thẳng

B. MỘT SỐ ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) *Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất điền vào giấy kiểm tra.*

Câu 1. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào chưa hợp lí? Thủ đô của các nước Châu Á là:

- A. Hà Nội. B. Viênng Chăn. C. Paris. D. Seoul.

Câu 2. Thống kê điểm kiểm tra môn Toán cuối Học kì I của lớp 6A ở bảng sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4
Số học sinh	2	4	4	10	8	8	4

Theo bảng thống kê trên, số bạn đạt từ điểm 8 đến điểm 10 là:

- A. 6 bạn. B. 8 bạn. C. 10 bạn . D. 40 bạn.

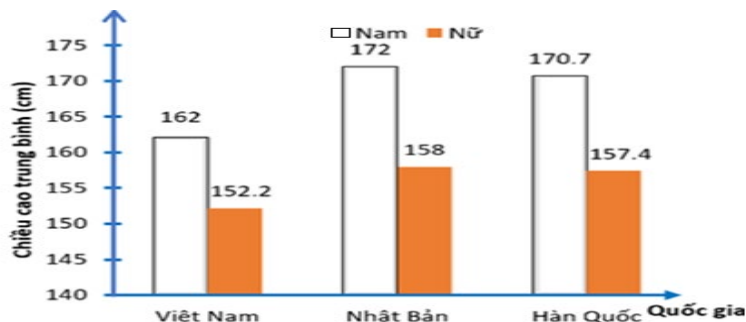
Câu 3. Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý của năm 2024 được biểu diễn theo biểu đồ tranh (hình bên). Tổng số xe bán được trong bốn quý là:

Quý 1	  
Quý 2	   
Quý 3	 
Quý 4	  
 : 10 chiếc xe,;  5 chiếc xe	

- A. 11 chiếc. B. 110 chiếc. C. 115 chiếc. D. 12 chiếc.

Câu 4. Chiều cao trung bình của nam và nữ ở một số quốc gia châu Á được biểu diễn theo biểu đồ cột kép (hình bên). Ở Nhật Bản trung bình nam giới cao hơn nữ giới là:

- A. 172 cm.
B. 14 cm.
C. 158 cm.
D. 15 cm.



Câu 5. Gieo xúc xắc một lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số chia 3 dư 1 là:

- A. {mặt 1 chấm; mặt 4 chấm}.
B. {mặt 1 chấm; mặt 2 chấm}.
C. {mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm}.
D. {mặt 1 chấm; mặt 5 chấm}.

Câu 6. Một hộp có 3 quả bóng, trong đó có 1 quả bóng xanh (X), 1 quả bóng đỏ (Đ), 1 quả bóng vàng (V), các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ra ngẫu nhiên 1 quả bóng từ trong hộp. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra là:

- A. {X; Đ; V}.
B. {X}.
C. {Đ}.
D. {V}.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 24 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng:

- A. $\frac{8}{5}$.
B. $\frac{5}{8}$.
C. $\frac{3}{8}$.
D. 15.

Câu 8. Một xạ thủ bắn 150 viên đạn vào bia, trong đó có 36 lần bắn trượt. Xác suất thực nghiệm xuất hiện số lần bắn trúng bằng:

- A. $\frac{6}{25}$.
B. $\frac{19}{25}$.
C. $\frac{6}{19}$.
D. $\frac{25}{19}$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. (2,5 điểm) Biểu đồ tranh (hình bên) biểu diễn số học sinh lớp 6A thích chơi các môn thể thao.

- a) Nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?
b) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh thích chơi đá bóng?

- c) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?
d) Tính tỉ số của số học sinh thích chơi cầu lông và tổng số học sinh cả lớp 6A?

- e) Số học sinh chơi nhảy dây chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh cả lớp 6A?

Môn thể thao	Số học sinh
Cầu lông	   
Nhảy dây	 
Đá bóng	     
Bóng rổ	  
(Mỗi  biểu diễn 3 học sinh)	

Bài 2. (2,0 điểm) Gieo một xúc xắc 40 lần liên tiếp, ta được kết quả ở bảng sau?

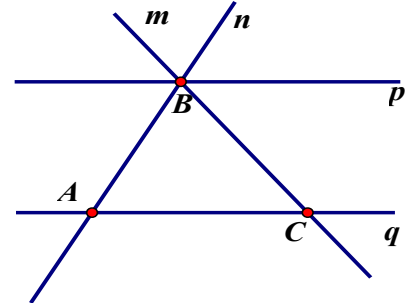
Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	4	5	10	6	7	8



- a) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc ở mỗi lần gieo.
- b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm.
- c) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm.
- d) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 3. (2,0 điểm) Xem hình bên và trả lời các câu hỏi:

- a) Trong hình bên, những đường thẳng nào cắt nhau? Chỉ rõ giao điểm của chúng.
- b) Trong hình bên, những đường thẳng nào song song với nhau?
- (Sử dụng kí hiệu để trả lời)



Bài 4. (1,0 điểm) Minh đi bộ từ nhà đến trường theo một con đường thẳng dài 1,2 km. Trên đường đi, Minh thường dừng lại ở quán nước cách nhà 450 m để mua đồ uống.

- a) Tính quãng đường còn lại từ quán nước đến trường.
- b) Nếu quán nước nằm ở trung điểm quãng đường từ nhà Minh đến trường, thì khoảng cách từ quán nước đến trường sẽ là bao nhiêu?

Bài 5. (0,5 điểm) Trong mặt phẳng cho 27 điểm, trong đó có x điểm thẳng hàng. Qua 27 điểm đó ta vẽ được 324 đường thẳng. Tìm x ?

- HẾT -

ĐỀ SỐ 2

I/ Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất:

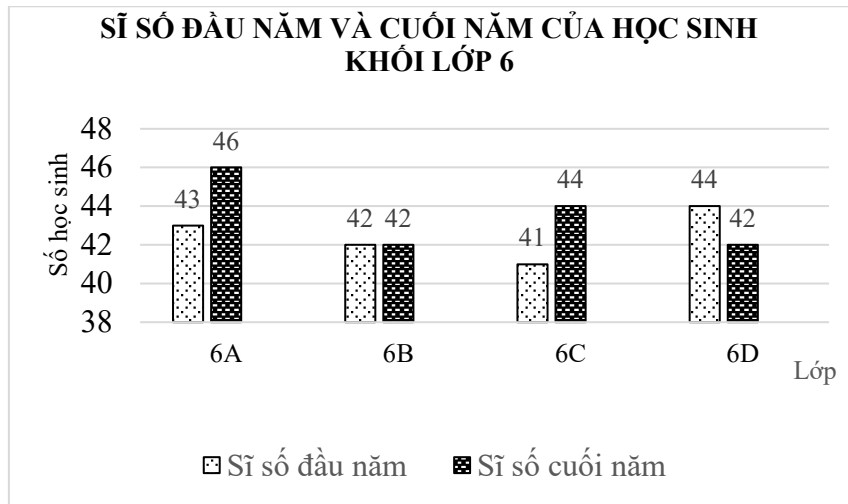
Câu 1: Bảng thống kê sau ghi lại hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ của học sinh khối 6.

Hoạt động	Chơi thể thao	Đọc truyện	Xem tivi	Nghe nhạc	Vẽ tranh
Số học sinh	20	20	15	15	10

Có bao nhiêu học sinh tham gia khảo sát?

- A. 60 B. 70 C. 80 D. 90

Câu 2: Biểu đồ dưới đây cho biết sĩ số đầu năm và cuối năm của học sinh khối lớp 6 ở một trường THCS.



Lớp nào có nhiều học sinh chuyển đi nhất?

- A. Lớp 6A B. Lớp 6B C. Lớp 6C D. Lớp 6D

Câu 3: Gieo một con xúc xắc có sáu mặt 16 lần, trong đó thấy rằng mặt 6 chấm xuất hiện 4 lần. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm là:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{6}{16}$ D. $\frac{4}{1}$

Câu 4: Một hộp chứa có 4 chiếc bút cùng kích cỡ với 4 màu khác nhau: xanh, vàng, hồng, tím. Lấy ngẫu nhiên 1 bút. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút lấy ra là:

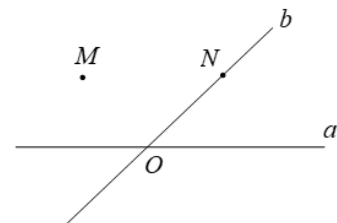
- A. {xanh; hồng; vàng} C. {xanh; hồng; tím}
B. {xanh; tím} D. {xanh; hồng; vàng; tím}

Câu 5: Tung đồng thời 2 đồng xu một lần. Có mấy kết quả có thể xảy ra?

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 6: Cho hình 1. Khẳng định nào sau đây là đúng?

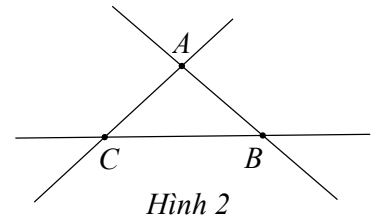
- A. Điểm O và điểm N nằm trên đường thẳng a
B. Ba điểm O, M, N không thẳng hàng
C. Điểm M nằm trên đường thẳng b
D. Điểm N nằm trên đường thẳng a



Hình 1

Câu 7: Cho hình 2. Giao điểm của đường thẳng AC và đường thẳng BC là

- A. Điểm B
- B. Điểm A
- C. Điểm C
- D. Không có giao điểm



Câu 8: Một chiếc bút chì có chiều dài 17 cm. Bạn An đã chia bút chì đó thành hai phần và đo được một phần bằng 5cm . Độ dài phần còn lại của bút chì là:

- A. 12cm
- B. 14cm
- C. 13cm
- D. 15cm

II/ Tự luận (8 điểm)

Bài 1: (2,5 điểm) Biểu đồ tranh sau đây cho biết phương tiện học sinh khối 6 đi đến trường.

Đi bộ	      
Xe đạp	    
Xe đạp điện	   
Xe buýt	   
Xe máy (PH đưa đón)	   
 : 10 học sinh  : 2 học sinh	

- a) Nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê.
- b) Phương tiện nào được nhiều học sinh lựa chọn đi đến trường nhất? Có bao nhiêu học sinh sử dụng phương tiện đó?
- c) Tính số học sinh khối 6 tham gia khảo sát.
- d) Tính tỉ số giữa số học sinh đi xe đạp và tổng số học sinh khối 6.
- e) Số học sinh đi bộ chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh khối 6.

Bài 2: (2,0 điểm) Một hộp kín có chứa 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng, 1 quả bóng màu tím. Mỗi lần bạn An lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng, ghi lại màu của quả bóng được lấy ra rồi bỏ lại quả bóng vào hộp. Kết quả được ghi lại trong bảng sau.

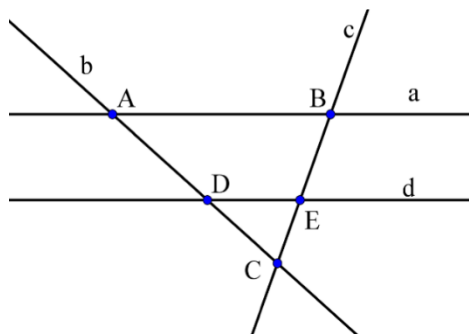
Xanh	Đỏ	Vàng	Tím
16	18	11	15

- a) Nêu các kết quả có thể xảy ra đối với màu của quả bóng được lấy ra.
- b) Tính xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu xanh.
- c) Tính xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu đỏ.
- d) Nếu xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu tím là $\frac{1}{5}$ thì bóng tím phải được lấy ra bao nhiêu lần?

Bài 3: (2,0 điểm) Dựa vào hình vẽ bên dưới, hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Điểm A thuộc những đường thẳng nào? Hãy dùng kí hiệu để diễn đạt điều đó.
- b) Hãy nêu các bộ ba điểm thẳng hàng?

- c) Hãy kể tên một cặp đường thẳng cắt nhau và chỉ rõ giao điểm của chúng?
- d) Hãy kể tên cặp đường thẳng song song, dùng kí hiệu để diễn đạt điều đó.



Bài 4: (1,0 điểm) Nam và Minh đang đo chiều dài một đoạn đường thẳng trong công viên để vẽ bản đồ khu vực vui chơi. Họ đánh dấu hai điểm A và B trên đoạn đường đó, rồi đo khoảng cách giữa hai điểm này bằng một thước dây.

Hai bạn đo được khoảng cách từ A đến B là 16 mét. Họ đặt cọc số 1 tại vị trí M là điểm nằm chính giữa A và B.

- a) Khoảng cách từ M đến A là bao nhiêu mét?
- b) Minh định đặt thêm cọc số 2 trên đoạn đường AB. Cọc này cách vị trí điểm A là 3m. Hỏi vị trí cọc số 2 cách điểm M bao nhiêu mét?

Bài 5: (0,5 điểm) Cho 9 điểm phân biệt, trong đó có một bộ ba điểm thẳng hàng, qua 2 điểm thì vẽ được một đường thẳng. Tính tổng số đường thẳng có thể vẽ được.

-----HẾT-----

C. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA:

- Hình thức kiểm tra: 80% tự luận + 20% trắc nghiệm
- Thời gian làm bài: 90 phút

-----Hết-----

Ban giám hiệu

Tổ trưởng CM

GV ra nội dung

Kiều Thị Hải

Trương Thị Mai Hằng

Nguyễn Thị Nhung